

ẢNH HƯỞNG LÊN HOẠT ĐỘ AST, ALT, HÀM LƯỢNG BILIRUBIN TOÀN PHẦN THỎ CỦA CAO KHÁNG MẮN THÔNG TỶ

TẠ VĂN BÌNH, BÙI VĂN KHÔI
Đại học Y Hà Nội

TÓM TẮT

Nghiên cứu thực nghiệm trên thỏ nhằm đánh giá tác dụng của cao kháng mẫn thông tỳ lên hoạt độ AST, ALT và hàm lượng bilirubin toàn phần cho thấy: Cao kháng mẫn thông tỳ không ảnh hưởng đến hoạt độ AST, ALT và hàm lượng bilirubin toàn phần trên cả hai lô thỏ, một lô uống với liều 3ml/ngày (tương đương với liều dùng cho người) và một lô dùng liều gấp 3 lần liều cho người bình thường (9ml/kg/ngày) liên tục trong 4 tuần.

SUMMARY

Experimental study in rabbits to evaluate the effect of extract "khang man thông tỳ" to the activity of AST, ALT and total bilirubin levels. The results showed that: extract "khang man thông tỳ" does not affect the activity of AST, ALT and total bilirubin levels in both groups of rabbits, a group with a dose of 3ml/day (equivalent to the dose used for person) and a group with a dose of 9ml/kg/day (3 times the normal dose) for 4 consecutive weeks.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong các bệnh dị ứng, viêm mũi dị ứng (VMDU) là một bệnh thường gặp nhất. Tỷ lệ mắc bệnh này ở Việt Nam khoảng 50-60%, Hồng Kông: 43%, Australia: 15 - 25% dân số. Bệnh nhân viêm mũi dị ứng chiếm đến 50% số lượng bệnh nhân đến các phòng khám tai mũi họng [1].

"Cao kháng mẫn thông tỳ" là bài thuốc điều trị viêm mũi dị ứng được giới thiệu trong sách "Trung - Tây y lâm sàng khoa tai mũi họng" có gia giảm cho phù hợp với đặc điểm bệnh tật và con người Việt Nam. Nghiên cứu của Bùi Văn Khôi [4], cho thấy cao kháng mẫn thông tỳ không ảnh hưởng lên số lượng bạch cầu, tiểu cầu thỏ.

Để có thêm cơ sở cho việc tiến hành đánh giá tác dụng của bài thuốc trên lâm sàng, chúng tôi tiến hành nghiên cứu này với mục tiêu đánh giá ảnh hưởng của cao kháng mẫn thông tỳ lên hoạt độ AST, ALT và hàm lượng bilirubin toàn phần thỏ.

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Địa điểm và thời gian nghiên cứu.

Nghiên cứu được tiến hành tại Bộ môn Dược lý, Trường Đại học Y Hà Nội, từ 02/2006 - 6/2006.

2. Thuốc nghiên cứu.

Cao lỏng "Kháng mẫn thông tỳ" do Bệnh viện Y học cổ truyền Hà Nội sản xuất.

Dung môi làm chứng NaCl 0,9%

3. Đối tượng nghiên cứu.

Thỏ chủng Oryctolagus cuniculus 30 con, cả 2 giống, khỏe mạnh, lông trắng, nặng 1,8 - 2,5 kg do Trung tâm nghiên cứu dê và thỏ cung cấp.

Động vật được nuôi trong điều kiện đầy đủ thức ăn và nước uống tại phòng thí nghiệm Bộ môn Dược lý

Trường Đại học Y Hà nội từ 3 - 7 ngày trước khi nghiên cứu và trong suốt thời gian nghiên cứu.

4. Thiết kế nghiên cứu.

Các thỏ của mỗi thí nghiệm đều được chia thành 3 lô, mỗi lô 10 con.

+ Lô chứng: uống dung môi là NaCl 0,9% 5ml/kg/ngày

+ Lô trị 1: uống cao kháng mẫn thông tỳ liều 3ml/kg/ngày (tương đương với liều dùng cho người).

+ Lô trị 2: uống cao kháng mẫn thông tỳ liều 9ml/kg/ngày (gấp 3 lần liều dùng cho người).

Tất cả các thỏ được uống thuốc trong 4 tuần liên, mỗi ngày một lần vào buổi sáng, với lượng hằng định 5ml/kg.

5. Chỉ tiêu nghiên cứu.

Các chỉ tiêu theo dõi trước và quá trình nghiên cứu: hoạt độ AST, ALT và hàm lượng bilirubin toàn phần.

Tất cả các xét nghiệm trên được đánh giá tại 3 thời điểm: trước uống thuốc, sau 2 tuần, sau 4 tuần uống thuốc và sau ngừng thuốc 2 tuần.

6. Xử lý số liệu và tính kết quả.

Số liệu thu thập được nhập vào máy tính trên phần mềm Epi-info 6.04, sau đó kiểm tra để phát hiện và xử lý các lỗi do vào số liệu sai. So sánh 2 tỷ lệ bằng test χ^2 , so sánh 2 giá trị trung bình bằng test t-student.

KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

Bảng 1. Ảnh hưởng của Cao kháng mẫn thông tỳ đến hoạt độ AST trong máu thỏ (U/L)

AST Thời gian	Lô chứng (1)		Lô trị 1 (2)		Lô trị 2 (3)		P ₁₋₂ P ₁₋₃ P ₂₋₃
	X ±SD	n	X ±SD	n	X ±SD	n	
Trước uống thuốc (a)	50,86 ± 5,23	10	51,75 ± 6,92	10	45,70 ± 11,15	10	>0,05
Sau 2 tuần (b)	49,40 ± 4,29	10	45,23 ± 5,63	10	45,43 ± 5,95	10	>0,05
Sau 4 tuần (c)	51,81 ± 7,98	10	49,23 ± 5,55	10	52,60 ± 7,90	10	>0,05
Sau ngừng thuốc 2 tuần (d)	50,10 ± 5,72	10	50,00 ± 6,07	10	48,30 ± 2,39	10	>0,05
p (a-b), p (a-c), p (a-d)	>0,05		>0,05		>0,05		

Kết quả nghiên cứu cho thấy với liều 3ml/kg/24h và 9ml/kg/24h Cao kháng mẫn thông tỳ không ảnh hưởng tới hoạt độ AST trong máu thỏ so với trước dùng thuốc và so với lô chứng (p > 0,05).

Bảng 2. Ảnh hưởng của Cao kháng mẫn thông tỳ lên hoạt độ ALT trong máu thỏ (U/L)

ALT Thời gian	Lô chứng (1)		Lô trị 1 (2)		Lô trị 2 (3)		P ₁₋₂ P ₁₋₃ P ₂₋₃
	X ±SD	n	X ±SD	n	X ±SD	n	
Trước uống thuốc	65,77 ±	10	67,88	10	68,33	10	>0,05

(a)	6,46		±11,4 5		±11,4 8		
Sau 2 tuần (b)	65,92 ± 4,98	10	62,37 ± 9,14	10	65,17 ± 7,65	10	>0,05
Sau 4 tuần (c)	66,44 ± 6,63	10	63,27 ± 5,49	10	67,83 ± 8,33	10	>0,05
Sau ngừng thuốc 2 tuần (d)	64,40 ± 6,41	10	61,40 ± 7,98	10	64,60 ±12,6 0	10	>0,05
p (a-b), p (a-c), p (a-d)	>0,05		>0,05		>0,05		

Qua nghiên cứu chúng tôi thấy sau 4 tuần uống thuốc hoạt độ ALT trong máu ở cả hai lô thỏ dùng Cao kháng mẫn thông ty không có gì thay đổi so với trước dùng thuốc và so với lô chứng ($p > 0,05$).

Bảng 3. Ảnh hưởng của Cao kháng mẫn thông ty lên hàm lượng bilirubin toàn phần (mmol/l)

Bilirubin Thời gian	Lô chứng (1)		Lô trị 1 (2)		Lô trị 2 (3)		p_{1-2} p_{1-3} p_{2-3}
	X ±SD	n	X ±SD	n	X ± SD	n	
Trước uống thuốc (a)	12,05 ± 0,55	10	12,20 ± 0,52	10	12,06 ±0,51	10	>0,05
Sau 2 tuần (b)	12,36 ±0,68	10	12,29 ± 0,54	10	12,13 ±0,62	10	>0,05
Sau 4 tuần (c)	12,36 ± 0,64	10	12,41 ± 0,41	10	12,34 ±0,52	10	>0,05
Sau ngừng thuốc 2 tuần (d)	12,10 ±1,23	10	12,40 ± 0,75	10	12,40 ±0,36	10	>0,05
p (a-b), p (a-c), p (a-d)	>0,05		>0,05		>0,05		

Kết quả trình bày ở bảng 3 cho thấy tỷ lệ hàm lượng bilirubin không thay đổi ở 2 lô thỏ dùng cao kháng mẫn thông ty liều 3ml/kg/24 giờ và 9ml/kg/24 giờ.

Nguyễn Năng An, Đỗ Tất Lợi [2], [3], nghiên cứu trên thực nghiệm khả năng chống dị ứng của kim ngân hoa, nhận thấy: kim ngân hoa không độc cho chuột uống 7 ngày liều gấp 150 lần liều điều trị cho người thì chuột vẫn sống bình thường và giải phẫu các bộ phận không có gì thay đổi.

KẾT LUẬN

Cao kháng mẫn thông ty không ảnh hưởng đến hoạt độ AST, ALT và hàm lượng bilirubin toàn phần trên cả hai lô thỏ, một lô uống với liều 3ml/ngày (tương đương với liều dùng cho người) và một lô dùng liều gấp 3 lần liều cho người bình thường (9ml/kg/ngày) liên tục trong 4 tuần.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Năng An (1998), *Viêm mũi dị ứng*, Dị ứng miễn dịch lâm sàng, tr. 2 - 5.
2. Nguyễn Năng An (1967), "*Nghiên cứu tác dụng chống dị ứng của kim ngân hoa*", Tạp chí Y học Việt Nam, Số 3, 77-84.
3. Đỗ Tất Lợi (1991), *Cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, NXB Khoa học Kỹ thuật, tr. 88-93, 328-330, 403-409, 571-572, 601-606, 670-672, 879-882.
4. Bùi Văn Khôi, Tạ Văn Bình (2013), *ảnh hưởng lên số lượng bạch cầu, tiểu cầu thỏ của cao kháng mẫn thông ty*, Tạp chí Dược học, số 444, 21-23.